TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 16/2019/KDTM-PT
Ngày: 07-11-2019
V/v:"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Mai Xuân Thành**

Các Thẩm phán: Ông **Nguyễn Cường**

Ông **Trương Công Thi**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Dương Thị Tuyết Trinh**,Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tai Đà Nẵng tham gia phiên toà:Ông**Nguyễn Xuân Thanh** - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 18/2018/TLPT-KDTM ngày 04 tháng 07 năm 2018 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Do bản án kinh doanh thương mại số 05/2018 KDTM–ST ngày 27 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định bị kháng cáo.

Giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Công ty TNHH MTV H Việt Nam**

Địa chỉ: Khu Công nghiệp N - Khu B, Khu kinh tế N, xã N, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Ông Từ Bội P (X) - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc Công ty TNHH MTV H Việt Nam. Vắng mặt

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Đặng Trường N - Chức vụ: Phó Tổng giám đốc Công ty TNHH MTV H Việt Nam. Có mặt.

2. Bị đơn: **Công ty TNHH V**;

Địa chỉ: thành phố Q, tỉnh Bình Định

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn: Bà **Trần Ngọc A** – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc Công ty TNHH V.Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Đặng Văn T, sinh năm 1962; Địa chỉ: thành phố Đà Nẵng.

- *Người tham gia tố tụng khác:* Đại diện Công ty TNHH Kiểm toán T Việt Nam - ông **Võ Anh C**, chức vụ: Giám đốc; sinh năm 1988; địa chỉ: thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

+ Bà Trần Thị Phan H. Địa chỉ: Q, Bình Định, có mặt.

+ Bà Nguyễn Thị H1. Địa chỉ: thành phố Q, tỉnh Bình Định, có mặt.

+ Ông Lê Văn P. Địa chỉ: Thừa Thiên Huế, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo án sơ thẩm nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Tại đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo, đại diện Công ty TNHH một thành viên H Việt Nam trình bày:

Công ty TNHH một thành viên H Việt Nam (sau đây viết tắt là Công ty H) phối hợp với Công ty TNHH V (viết tắt là Công ty V) khai thác tận thu sa khoáng titan. Do Công ty V ít vốn nên yêu cầu Công ty H cho vay vốn kinh doanh, khi nào bán được hàng sẽ trả lại. Vì tin tưởng bà Trần Ngọc A (đại diện theo pháp luật Công ty V) là mẹ vợ của ông Từ Phong B (đại diện theo pháp luật của Công ty H) nên Công ty H đồng ý cho Công ty V vay tiền nhiều lần từ năm 2008 đến năm 2010 nhưng hai bên không lập văn bản mà chỉ thỏa thuận miệng. Công ty H chuyển tiền cho Công ty V bằng hình thức chuyển khoản qua Ngân hàng và chủ yếu qua các Ngân hàng X Việt Nam - Chi nhánh P; Ngân hàng TMCP Y Việt Nam - Chi nhánh Q. Đồng thời Công ty V cũng chuyển trả tiền cho Công ty H thông qua hai Ngân hàng trên. Ngày 31/8/2010, giữa hai kế toán của hai Công ty đã có đối chiếu công nợ và xác định Công ty V còn nợ Công ty H tổng số tiền là 22.379.206.912 đồng. Cụ thể việc cho vay, trả nợ như sau:

- Năm 2008, Công ty H đã chuyển qua Ngân hàng cho Công ty V vay mượn 09 lần với tổng số tiền 6.113.310.986 đồng. Công ty V đã trả được 1.305.193.633 đồng, còn nợ 4.808.117.353 đồng.

- Năm 2009, Công ty H đã chuyển qua Ngân hàng cho Công ty V vay mượn 50 lần với tổng số tiền 13.661.247.551 đồng, Công ty V đã trả được 4.994.157.992 đồng, còn nợ 8.667.089.559 đồng.

- Năm 2010, Công ty H đã chuyển qua Ngân hàng cho Công ty V vay mượn 29 lần với tổng số tiền 13.661.247.551 đồng, Công ty V đã trả được 4.170.000.000 đồng, còn nợ 8.904.000.000 đồng.

Do khó khăn về tài chính, Công ty H đã nhiều lần yêu cầu Công ty V trả nợ nhưng Công ty V chưa trả. Vì vậy, Công ty H khởi kiện yêu cầu Công ty V trả hết khoản tiền nợ đã đối chiếu xác nhận là 22.379.206.912 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Đối với yêu cầu phản tố của Công ty V cho rằng Công ty H còn nợ tiền dầu Do là 9.043.318.490 đồng và nợ tiền mặt là 14.316.000.000 đồng là không có căn cứ vì Công ty H không có hợp đồng vay tiền và mượn dầu với Công ty V.

** Bị đơn là Công ty V trình bày:*

Công ty V thừa nhận giữa hai công ty có việc chuyển tiền qua lại với nhau trong 03 năm từ năm 2008 đến năm 2010, nhưng đây là tiền bán hàng thông qua việc nhờ Công ty H giao dịch mua bán trực tiếp với khách hàng rồi chuyển trả lại cho Công ty V.

Công ty V không thừa nhận khoản tiền nợ 22.379.206.912 đồng vì: Biên bản đối chiếu tài chính ngày 31/8/2010 do Công ty H đưa ra chỉ có chữ ký của hai nhân viên kế toán của hai Công ty, không có xác nhận của đại diện hợp pháp hoặc chủ sở hữu của cả hai Công ty nên Công ty V không chịu trách nhiệm về văn bản này.

Công ty V có yêu cầu phản tố yêu cầu Công ty H phải thanh toán các khoản nợ sau:

- Về số lượng dầu Do: Công ty H sử dụng của Công ty V trong 03 năm từ năm 2008 đến năm 2010 thông qua hình thức Công ty V mua rồi nhập vào kho của Công ty H, nhân viên của Công ty H trực tiếp nhận dầu với số lượng 654.200 lít (654,2 tấn) Do, có giá trị 9.043.318.490 đồng để sử dụng cho việc san lấp mặt bằng và thi công xây dựng hạ tầng khu B - khu kinh tế N.

- Về số tiền mặt: Công ty H vay của Công ty V tổng cộng là 14.316.000.000 đồng. Toàn bộ số tiền trên do Công ty V rút lại tài khoản ngân hàng rồi nhập vào quỹ tiền mặt chi nội bộ của Công ty H.

Đề nghị Tòa buộc Công ty H phải trả lại cho Công ty V với tổng số tiền 23.359.318.490 đồng và không yêu cầu tinh lãi.

Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 60/2011/KDTM-ST ngày 30/11/2011, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định, quyết định:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty H đòi Công ty V trả tiền mượn, còn nợ. Buộc Công ty V trả Công ty H 22.379.206.912 đồng.

Bác yêu cầu phản tố của Công ty V yêu cầu Công ty H thanh toán 21.867.427.458 đồng.

Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, lãi suất chậm trả.

Ngày 14/12/2011, Công ty V kháng cáo.

Tại bản án kinh doanh, thương mại phúc thẩm số 48/2012/KDTM-PT ngày 02/7/2012, Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng quyết định: Hủy bản án sơ thẩm nêu trên; giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm lại.

Tại bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 42/2013/KDTM-ST ngày 09/9/2013, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu của Công ty H đòi Công ty V phải trả nợ vay chưa trả là 22.379.206.912 đồng.

Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của Công ty V đòi Công ty H phải trả nợ tiền dầu Do và tiền nợ vay chưa trả là 9.838.509.119 đồng.

Buộc Công ty V phải có nghĩa vụ trả cho Công ty H số tiền nợ vay còn lại chưa trả là 12.540.697.793 đồng.

Bác các yêu cầu khác của các đương sự

Tòa án còn quyết định về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo.

Ngày 16/9/2013, Công ty V kháng cáo.

Ngày 24/9/2013, Công ty H kháng cáo.

Tại bản án Kinh doanh, thương mại phúc thẩm số 22/2014/KDTM-PT ngày 04/4/2014, Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty H đối với Công ty V. Buộc Công ty V phải trả nợ vay chưa trả cho Công ty H là 22.379.206.912 đồng.

Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của Công ty V. Buộc Công ty H phải trả nợ tiền dầu Do và tiền nợ vay chưa trả cho Công ty V là 16.952.138.168 đồng.

Đối trừ Công ty V còn phải trả cho Công ty H số tiền 5.427.068.744 đồng.

Tòa án còn quyết định về án phí.

Sau khi xét xử phúc thẩm, Công ty H có đơn đề nghị giám đốc thẩm bản án phúc thẩm nêu trên.

Tại Quyết định số 13/2016/KN-KDTM ngày 04/4/2016, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao kháng nghị Bản án Kinh doanh, thương mại phúc thẩm số 22/2014/KDTM-PT ngày 04/4/2014 của Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng; đề nghị Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hủy Bản án Kinh doanh, thương mại phúc thẩm số 22/2014/KDTM-PT ngày 04/4/2014 của Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng và Bản án Kinh doanh, thương mại số 42/2013/KDTM-ST ngày 09/9/2013, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

Với nội dung trên tại bản án kinh doanh thương mại số 05/2018/ KDTM - ST ngày 27 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định đã quyết định:

- Căn cứ vào quy định tại Điều 26; khoản 1 Điều 30; điểm a khoản 1 Điều 37; điểm a, khoản 1 Điều 39 và Điều 200 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng vào các Điều 463, 465, 466 của Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ quy định tại Điều 25, 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH MTV H Việt Nam đòi Công ty TNHH V trả nợ.

2. Buộc Công ty TNHH V có nghĩa vụ trả nợ cho Công ty TNHH MTV H Việt Nam số tiền: 22.379.206.912 đồng (*Hai mươi hai tỷ ba trăm bảy mươi chín triệu hai trăm lẻ sáu nghìn chín trăm mười hai đồng*).

3. Bác lời nại của Công ty TNHH V không có nợ và không chấp nhận trả nợ cho Công ty TNHH MTV H Việt Nam.

4. Bác yêu cầu phản tố của Công ty TNHH V yêu cầu Công ty TNHH MTV H Việt Nam thanh toán số tiền 23.359.318.490 đồng.

5. Tiếp tục duy trì 02 Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 212/2011/QĐ-BPKCTT ngày 04/8/2011 và Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 45/2017/QĐ-BPKCTT ngày 06/10/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

6. Về án phí và chi phí tố tụng:

- Về án phí KDTM sơ thẩm:

Công ty TNHH V phải chịu 261.738.525 đồng (bao gồm 130.379.207 đồng phần nguyên đơn khởi kiện và 131.359.318 đồng phần phản tố). Được khấu trừ 64.933.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 004557 ngày 16/11/2011 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Định, Công ty V còn phải nộp 196.805.525 đồng.

Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí 65.189.000 đồng cho Công ty TNHH một thành viên H Việt Nam đã nộp theo biên lai thu số 004480 ngày 19/11/2010 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Định.

Bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự:

Ngày 28 tháng 3 năm 2018, Công ty V kháng cáo toàn bộ bản án:

Sau khi xét xử sơ thẩm các đương sự cung cấp, bổ sung chứng cứ, và Tòa án thực hiện việc thu thập chứng cứ như sau:

Tòa án cấp phúc thẩm thực hiện việc lấy lời khai của các nhân chứng theo yêu cầu của Công ty V. (Trần Thị Phan H, và Nguyễn Thị H1.)

Công ty V cung cấp đến Toà phúc thẩm 03 sổ quỹ tiền mặt của Công ty TNHH MTV H Việt Nam.(Bản gốc)

Công ty TNHH MTV H Việt Nam có văn bản ý kiến về 03 sổ quỹ tiền mặt mà V cung cấp.

Công ty V có đơn đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm ra quyết định trưng cầu kiểm toán đối với toàn bộ sổ sách tài liệu kế toán, là chứng cứ mà Công ty TNHH MTV H Việt Nam lấy làm căn cứ khởi kiện V.

Tòa án cấp phúc thẩm đã ra quyết định trưng cầu giám định về tài chính đối với toàn bộ tài liệu chứng cứ là sổ sách tài chính kế toán mà các bên giao nộp.

Chi nhánh Công ty Kiểm toán T Việt Nam đã có kết quả giám định về tài chính, đồng thời tòa án đã thông báo cho 02 bên đương sự và VKS nhân dân cấp cao Đà Nẵng biết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Tại phiên tòa phúc thẩm Công ty TNHH V có đơn xin xét xử vắng mặt,và có văn bản vẫn giữ nguyên đơn kháng cáo, sau khi xét xử sơ thẩm các bên đương sự không hòa giải với nhau về việc giải quyết vụ án.

Trong phần phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng cho rằng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.Các đương sự đã thực hiện đúng quyền nghĩa vụ của mình. Về nội dung vụ án; Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận một phần đơn kháng cáo của Công ty TNHH V hủy Bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét khách quan, toàn diện và đầy đủ chứng cứ Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Giữa Công ty TNHH một thành viên H Việt Nam với Công ty TNHH V có ký kết hợp đồng liên doanh phối hợp khai thác tận thu sa khoáng ti tan. Bà Trần Ngọc A giám đốc Công ty V là mẹ vợ của ông Từ Bội P giám đốc Công ty H, bà Lý Thiếu H phó giám đốc Công ty V là vợ ông Từ Bội P. Theo đơn khởi kiện của Công Ty H đòi Công ty V phải trả 22.379.206.192 đồng việc vay mượn tiền không có hợp đồng mượn tiền, đồng thời cuối các năm, và hàng quý không có đối chiếu, xác nhận công nợ giữa các bên. Các chứng cứ mà phía nguyên đơn đưa ra là các bản báo cáo tài chính của 02 Công ty, và các lần chuyển tiền qua lại giữa 02 Công ty với nhau thông qua 02 ngân hàng X Việt Nam chi nhánh P và ngân hàng TMCP Y, Chi nhánh Q. Mặc dù quá trình giải quyết vụ việc bà Trần Ngọc A không thừa nhận có việc vay tiền của bên nguyên đơn vì bà cho rằng Bà không hiểu biết về nghiệp vụ sổ sách tài chính kế toán và việc điều hành Công ty là do con gái bà là Lý Thiếu H phó giám đốc, vợ Từ Bội P điều hành do vậy dẫn đến việc ký các sổ sách không đúng thực tế vì hai Công ty có tính chất gia đình và có liên doanh trong việc khai thác Ti tan. Xét thấy ý kiến của bà Trần Ngọc A là không có căn cứ do vậy việc Tòa án cấp sơ thẩm đánh giá chứng cứ và cho rằng Công ty V có nợ của Công ty H là có căn cứ.

[2] Đối với khoản tiền 12.824.108.968 đồng mà Công ty V cho rằng Công Ty H còn nợ của V, Hội đồng xét xử xét thấy; Công ty V đưa ra chứng cứ là Bảng chi

tiết rút tiền từ tài khoản của Công ty V để nhập quỹ của Công ty H. Theo bị đơn cho rằng giữa 02 Công ty có sử dụng chung thủ quỹ là bà Nguyễn Thị H1. Tại biên bản lấy lời khai ngày 19 tháng 8 năm 2018 và tại phiên tòa hôm nay bà H1 thừa nhận bà là thủ quỹ của 02 Công ty. Tại cấp sơ thẩm Toà án nhân dân tỉnh Bình Định có thực hiện việc thu thập chứng cứ là sổ quỹ tiền mặt của Công ty H, tuy nhiên việc thu thập này chưa đầy đủ bởi lẽ: Tại biên bản lấy lời khai ngày 8/2/2018 và biên bản xác minh ngày 2/3/2018 thì tòa án cấp sơ thẩm chỉ xem xét, so sánh và kết luận trong biên bản rằng: nội dung giữa sổ quỹ tiền mặt là bản pho to của Công ty V cung cấp và nội dung của sổ quỹ tiền mặt của Công ty H là có sự khác nhau về nội dung, hình thức và người ký, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không yêu cầu H, cung cấp bản phô tô sao y là thu thập chứng cứ chưa toàn diện, đầy đủ.

[2.1] Xét thấy: Tại cấp phúc thẩm Công ty V cung cấp sổ quỹ tiền mặt trong năm 2008, 2009, 2010 của Công Ty H, bên V cho rằng đó là bản gốc. Khi xem xét tài liệu do Công ty V cung cấp thấy rằng:

* Tại sổ quỹ tiền mặt năm 2008 thể hiện người ký tư cách kế toán trưởng là ông Phan Thế T, kế toán nội bộ là Trần Thị Phan H, thủ quỹ là Nguyễn Thị H1.

* Tại sổ quỹ tiền mặt năm 2009 thể hiện người ký tư cách kế toán trưởng là ông Nguyễn Phúc L, kế toán nội bộ là Trần Thị Phan H, thủ quỹ là Nguyễn Thị H1.

* Tại sổ quỹ tiền mặt năm 2010 thể hiện người ký tư cách người làm chứng là ông Đặng Trường N, Nguyễn Thị Minh Khoa, thủ quỹ là Nguyễn Thị H1.

Tại phiên tòa hôm nay đại diện nguyên đơn cũng thừa nhận ông Phan Thế T ông Nguyễn Phúc L là Kế toán của Công ty H trong các năm 2008, 2009 và 2010; còn thủ quỹ là Văn Thị Diễm T, tuy nhiên bà H1 cho rằng tại thời điểm năm 2008,2009, 2010 bà Trang không phải là thủ quỹ của Công ty H.

Như vậy: Đây là chứng cứ mới tại cấp phúc thẩm cần được xem xét xác minh làm rõ về thời gian bà Nguyễn Thị H1 làm cho Công ty V và làm cho Công ty H hay đúng như lời khai của bà H1 và lời khai của bà Trần Thị Phan H cho rằng bà H1 làm thủ quỹ chung cho 02 Công ty, đồng thời cần làm rõ chữ ký của hai kế toán là ông Phan Thế T, ông Nguyễn Phúc L, chữ ký của ông Đặng Trường N là phó giám đốc Công ty H ký làm chứng tại sổ quỹ tiền mặt của Công ty H năm 2010. Để từ đó đánh giá đúng bản chất của vụ án, mối quan hệ chuyển tiền rút tiền nhập quỹ giữa hai Công ty. Tại văn bản ngày 6/11/2019 Công ty V đề nghị Tòa án xem xét làm rõ các chữ ký trong sổ quỹ tiền mặt của Công ty H và đặc biệt là của ông Đặng Trường N là phó giám đốc Công ty. Nếu Công ty H không đồng ý với sổ quỹ tiền mặt như V cung cấp thì yêu cầu Công ty H nộp sổ quỹ tiền mặt để kiểm toán toàn bộ quá trình hoạt động của Công ty H.

[2.2] Tại phiên tòa ngày 26/2/2019 khi Hội đồng xét xử hỏi để làm rõ về khoản tiền 1.500.000.000 đồng ngày 15/8/2008 Công ty H chuyển cho V mượn, tuy nhiên trước đó ngày 8/8/2008 theo bảng sao kê do H cung cấp thì thể hiện V chuyển cho H mượn 250.000.000 đồng, đại diện Công ty H cho rằng đó là khoản tiền hai bên mượn qua lại với nhau. Như vậy tại sao Công ty V đang vay nợ H nhưng lại cho H vay lại thể hiện tại bản sao kê của H cung cấp.

Xét thấy: Việc bị đơn xuất trình chứng cứ mới là sổ Quỹ tiền mặt có chữ ký của kế toán Công ty và có chữ ký của phó giám đốc Công ty H, xác nhận và bà Nguyễn Thị H1 là thủ quỹ Công ty đây là những tình tiết chứng cứ mới mà cấp phúc thẩm không thể khắc phục được, do vậy cần hủy án sơ thẩm giao hồ sơ về cho Tòa án cấp sơ thẩm để xác minh làm rõ các nội dung như nhận định nêu trên và như nhận định của Quyết định giám đốc thẩm số:16/2016/KDTM- GĐT ngày 04/10/2016 đối với khoản tiền mà Công ty V cho rằng công ty H còn nợ V.

Án phí: Công ty TNHH V không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ nêu trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 308, khoản 1 Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự:

Chấp nhận đơn kháng cáo của Công ty TNHH V. Hủy bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 05 /2018/ KDTM-ST ngày 27 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

Chuyển hồ sơ về cho Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định giải quyết lại vụ án theo trình tự sơ thẩm.

Án phí: Công ty V không phải chịu án phí phúc thẩm. Hoàn trả lại cho Công ty TNHH V số tiền 2.000.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 08156 ngày 16 tháng 4 năm 2018 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Định.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDTC;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND tỉnh Bình Định;
- Cục THA dân sự tỉnh Bình Định;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, lưu trữ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Mai Xuân Thành